

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG
Số: 1141/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành tạm thời chế độ báo cáo nghiệp vụ đối với doanh nghiệp bưu
chính, viễn thông và công nghệ thông tin**

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính Viễn thông; Căn cứ Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời chế độ báo cáo nghiệp vụ áp dụng đối với các doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp có hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông, Internet, doanh nghiệp có hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin, như sau:

1. Các biểu báo cáo

- Biểu số 01-BCVT: Áp dụng cho các Doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông, Internet tại khu vực hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Sở Bưu chính Viễn thông.

Tần suất thực hiện: hàng Tháng, hàng Quý.

- Biểu số 02-BCVT: Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin tại khu vực hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Sở Bưu chính Viễn thông.

Tần suất thực hiện: hàng Năm.

- Biểu số 03-BCVT: Áp dụng cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, báo cáo Bộ Bưu chính Viễn thông.

Tần suất thực hiện: hàng Năm.

- Biểu số 04-BCVT: Áp dụng cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet (bao gồm cả IXP, ISP, OSP Viễn thông), báo cáo Bộ Bưu chính Viễn thông.

Tần suất thực hiện: hàng Tháng, hàng Quý, và hàng Năm.

Trường hợp một doanh nghiệp chuyển phát hoặc doanh nghiệp Internet chỉ có duy nhất 01 cơ sở kinh doanh (không có các chi nhánh, văn phòng đại diện, đại lý tại các tỉnh, TP khác) thì doanh nghiệp đó thực hiện biểu số 03-BCVT hoặc số 04-BCVT gửi đồng thời về Bộ Bưu chính Viễn thông, Sở Bưu chính Viễn thông.

2. Kỳ báo cáo

Các ký hiệu trên các biểu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định này được hiểu như sau:

- (T): Yêu cầu báo cáo hàng tháng;
- (Q): Yêu cầu báo cáo hàng quý;
- (N): Yêu cầu báo cáo hàng năm.

3. Thời hạn báo cáo

- Báo cáo tháng, quý:

Chậm nhất vào ngày mùng 5 của tháng ngay sau tháng báo cáo hoặc quý báo cáo.

- Báo cáo năm:

Chậm nhất ngày 10 tháng 1 năm sau.

4. Sử dụng số liệu ước tính

Khi Bộ Bưu chính Viễn thông, Sở Bưu chính Viễn thông yêu cầu báo cáo đột xuất khi chưa đến hạn báo cáo, hoặc khi chưa thu thập đủ thông tin hoặc chưa có số quyết toán chính thức, các đơn vị được sử dụng con số ước tính. Các số ước tính phải được ghi chú cách ước tính, phải được cập nhật ngay bằng số chính thức khi đến hạn báo cáo, hoặc khi có số liệu chính thức, hoặc khi báo cáo quyết toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.